TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 24/09/2024.
V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Trung Kiên;
2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 24/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST – HNGĐ ngày 30/07/2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXX - ST ngày 20/08/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST - HPT ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị X, sinh năm 1995 "vắng mặt".

Nơi thường trú: Bản M P 1,xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản Chiềng Tông, xã Thanh Yên, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1993 "vắng mặt".

Nơi thường trú: Bản M P 1,xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/7/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị X (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Thái lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBNDxã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 18/01/2017. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thái hay uống rượu say, hay chửi mắng vợ con, quan điểm sống bất đồng nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng và không thể chung sống được với nhau nên chúng tôi đã sống ly thân từ ngày 30/6/2024 cho đến nay. Hiện nay chúng tôi không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Thái.

2. Về con chung:

Chị Xuân khai vợ chồng có 01 con chung là Lò Hà Nhã Uyên, sinh ngày 23/10/2019.

Chị Xuân có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Đối với bị đơn Lò Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBNDxã M P đã xác định sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/6/2024 cho đến nay.

Con Lò Hà Nhã Uyên ở cùng với mẹ từ khi hai vợ chồng sống ly thân.

Về tài sản của vợ chồng thì không có gì.

Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Xuân phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Xuân đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000263 ngày 25/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị X, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Xuân xin ly hôn với anh Thái, anh Thái có hộ khẩu thường trú tạixã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Xuân và anh Thái kết hôn năm 2017, đến năm 2024 thì chị Xuân khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Xuân và anh Thái lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai người không còn quan tâm đến nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hào giải nhưng không có kết quả và hai người đã sống ly thân từ ngày 30/6/2024 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Xuân và anh Thái đang trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Xuân xác định tình cảm của mình đối với anh Thái không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Xuân vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Xuân khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Xuân và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị Xuan và anh Lò Văn T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Hà Nhã Uyên, sinh ngày 23/10/2019.

Chị Xuân có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Xuân làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Thái không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy chị Xuân và anh Thái đều có khả năng nuôi con chung, hơn thế nữa việc nuôi con là trách nhiệm và nghĩa vụ của bố mẹ. Do từ khi chị Xuân làm đơn xin ly hôn thì anh Thái không có ý kiến gì, không đến Tòa án theo thông báo và triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Xuân và giao cháu Uyên cho chị Xuân trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Xuân không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Xuân phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Xuân đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000263 ngày 25/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

[8]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa: Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn vì lý do đi làm ăn ở xa không thu xếp được công việc, nên nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Cho chị Lò Thị X được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Xuân và giao con chung là cháu Lò Hà Nhã Uyên, sinh ngày 23/10/2019 cho chị Xuân trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Chấp nhận yêu cầu của chị Xuân về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về Tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Xuân phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Xuân đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000263 ngày 25/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Xuân đã nộp đủ án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBNDxã M P, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nông Trung Kiên	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Tâm